

Bản án số: 116/2023/DS-ST
Ngày 11-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;
2. Bà Nguyễn Thị Triều My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 02/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-DS ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978; địa chỉ: 1 Hẻm T, đường K, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thu L, sinh năm 1966; địa chỉ: Số D khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Y cho bà Phạm Thu L vay số tiền 60.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 27/11/2012 bà Phạm Thu L vay 40.000.000 đồng, hẹn ngày 27/12/2012 sẽ trả.

Ngày 16/01/2013 bà **L** vay tiếp 20.000.000 đồng, hạn ngày 16/02/2013 sẽ trả.

Cả hai lần vay đều có viết giấy vay tiền, hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi. Đến nay bà **L** vẫn không trả số tiền đã vay nên bà **Y** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **L** phải trả số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 27/11/2012 và ngày 16/01/2013.

- Đối với bị đơn bà **Phạm Thu L**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Y** nhưng bà **L** không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Vào ngày 12/05/2023 và ngày 21/6/2023, Tòa án triệu tập bà **L** tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng bà **L** vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bà **L** cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng vay tiền theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tố tụng: Giấy mượn tiền ngày 27/11/2012 và ngày 16/01/2013. Bị đơn chưa trả nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà **Phạm Thu L** đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 17/8/2023 và ngày 11/9/2023 nhưng bà **L** vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ vay tiền giữa bà **Nguyễn Thị Y** với bà **Phạm Thu L**, theo lời khai của bà **Y** và các chứng cứ do bà **Y** cung cấp trong quá trình tố tụng thể hiện: Tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, được thể hiện bằng các giấy nợ tiền vào các ngày 27/11/2012 (số tiền vay 40.000.000 đồng) và ngày 16/01/2013 (số tiền vay 20.000.000 đồng). Cả 02 giấy nợ đều thể hiện nội dung bà **Phạm Thu L**

vay tiền của bà Nguyễn Thị Y và có chữ ký của bên vay là bà Phạm Thu L. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn bà L không có ý kiến hay cung cấp tài liệu chứng cứ để phản bác phần trình bày cũng như chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên và lời khai của nguyên đơn bà Y có cơ sở xác định bà Y có cho bà L vay số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng.

[3] Theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Bà Y xác định từ khi vay đến nay bà L chưa trả cho bà khoản tiền nào, kể cả tiền gốc và tiền lãi. Bị đơn bà L không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Quá trình tố tụng, bà Y xác định chỉ yêu cầu bà L trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi. Đây là ý chí tự nguyện của bà Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thu L phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Y theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với bà Phạm Thu L.

Buộc bà Phạm Thu L phải trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Phạm Thu L** phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng. Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Y** 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006034 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (03);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS TP. Dĩ An (01);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh